

Họ và tên: .....

Số báo danh: .....

**Mã đề 0601**

**PHẦN I.** Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu học sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1.** Cơ cấu lao động theo các ngành kinh tế của nước ta thay đổi chủ yếu do

- A. công nghiệp hóa, chuyển dịch cơ cấu kinh tế. B. chuyên môn hóa, nâng cao trình độ lao động.  
C. đô thị hóa, phát triển mạnh hoạt động dịch vụ. D. hiện đại hóa, thu hút nguồn đầu tư nước ngoài.

**Câu 2.** Nhân tố tự nhiên làm cho tài nguyên sinh vật nước ta suy giảm chủ yếu là do

- A. chiến tranh tàn phá. B. săn bắt động vật.  
C. khai thác quá mức. D. biến đổi khí hậu.

**Câu 3.** Đất feralit ở nước ta có màu đỏ vàng chủ yếu do

- A. rửa trôi các chất bado dễ tan. B. tích tụ ôxit sắt và ôxit nhôm.  
C. quá trình phong hóa mạnh mẽ. D. quá trình tích tụ mùn mạnh.

**Câu 4.** Nửa sau mùa đông ở miền Bắc nước ta thường có kiểu thời tiết

- A. ẩm khô. B. lạnh ẩm. C. lạnh khô. D. ẩm ẩm.

**Câu 5.** Sự phân hoá đa dạng của khí hậu nước ta có ảnh hưởng chủ yếu nào sau đây đến phát triển kinh tế?

- A. Kế hoạch sản xuất và sự đa dạng của các ngành kinh tế.  
B. Cơ cấu mùa vụ và cơ cấu sản phẩm nông nghiệp đa dạng.  
C. Hệ thống canh tác và sản xuất khác nhau giữa các vùng.  
D. Tính đa dạng của tài nguyên thiên nhiên ở mỗi vùng.

**Câu 6.** Thủy sản nước ngọt ở nước ta thường được nuôi tại

- A. vịnh biển. B. bãi triều. C. ao hồ. D. đầm phá.

**Câu 7.** Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu cho phần lãnh thổ phía Bắc là đới rừng

- A. nhiệt đới gió mùa. B. cận xích đạo gió mùa.  
C. xa van và cây bụi. D. cận nhiệt đới gió mùa.

**Câu 8.** Đô thị đầu tiên ở nước ta được hình thành vào thế kỉ III trước Công nguyên là

- A. Phú Xuân. B. thành Thăng Long. C. Phố Hiến. D. thành Cổ Loa.

**Câu 9.** Các hoạt động lâm sinh ở nước ta **không** bao gồm

- A. bảo vệ rừng. B. chế biến lâm sản. C. khoanh nuôi rừng. D. trồng rừng

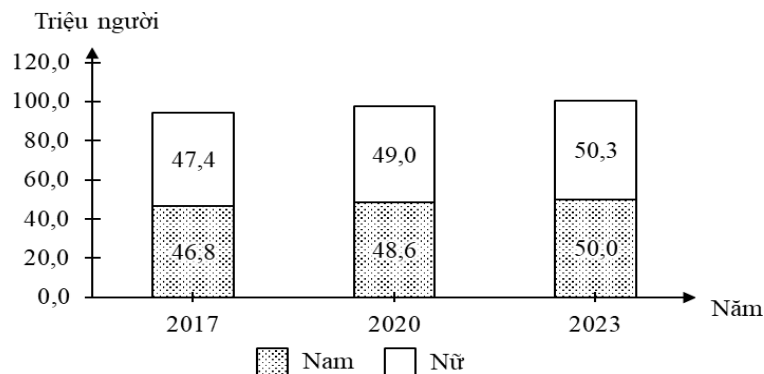
**Câu 10.** Nước ta có vị trí ở

- A. bán cầu Tây. B. ngoại chí tuyến. C. bán cầu Bắc. D. vùng ôn đới.

**Câu 11.** Nội dung nào sau đây phản ánh đúng về đặc điểm nguồn lao động nước ta hiện nay?

- A. Chất lượng lao động có sự phân hoá. B. Phân bố rất đồng đều giữa các vùng.  
C. Trình độ kĩ thuật cao so với thế giới. D. Phần lớn có ý thức kỉ luật rất cao.

**Câu 12.** Cho biểu đồ sau:



**Dân số trung bình của nước ta phân theo giới tính, giai đoạn 2017-2023**

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2024, Nxb Thống kê)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Tỷ số giới tính nước ta năm 2023 thấp hơn tỷ số giới tính năm 2017.
- B. Năm 2020 so với năm 2017, dân số nam tăng và dân số nữ giảm.
- C. Năm 2023 so với năm 2017, dân số nam và dân số nữ đều tăng.
- D. Dân số nữ luôn thấp hơn dân số nam trong giai đoạn 2017-2023.

**Câu 13.** Đất ở đai ôn đới gió mùa trên núi chủ yếu là

- A. đất mùn thô.
- B. đất mùn.
- C. feralit đỏ vàng.
- D. feralit có mùn.

**Câu 14.** Cây công nghiệp lâu năm được trồng ở nước ta hiện nay là

- A. dâu tằm.
- B. đậu tương.
- C. cà phê.
- D. đay, cói.

**Câu 15.** Dân số nước ta hiện nay có

- A. thành phần dân tộc ít đa dạng.
- B. biến đổi nhanh theo hướng trẻ hóa.
- C. tỉ lệ dân số nhóm từ 0-14 tuổi tăng.
- D. quy mô lớn và tiếp tục tăng lên.

**Câu 16.** Nguồn gây ô nhiễm không khí chủ yếu ở các đô thị và tuyến giao thông lớn nước ta là

- A. lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật.
- B. chăn nuôi và đốt rác nông nghiệp.
- C. đốt phế phẩm nông nghiệp.
- D. hoạt động giao thông vận tải.

**Câu 17.** Ý nghĩa chủ yếu về xã hội của chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta là

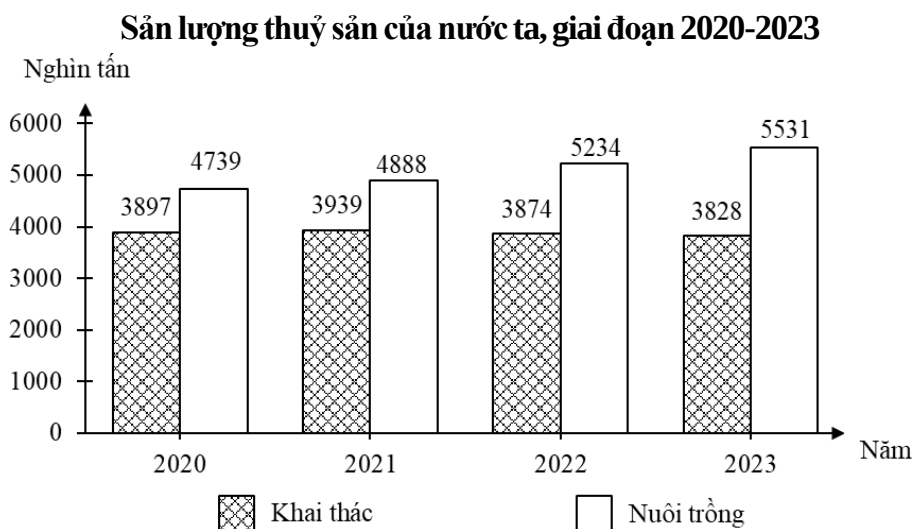
- A. thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.
- B. nâng cao chất lượng cuộc sống.
- C. thích ứng với biến đổi khí hậu.
- D. sử dụng hợp lý nguồn lực tự nhiên.

**Câu 18.** Chăn nuôi lợn và gia cầm tập trung nhiều ở các đồng bằng lớn của nước ta chủ yếu là do

- A. lao động có kinh nghiệm, dịch vụ thú y đảm bảo.
- B. dịch vụ thú y đảm bảo, nguồn thức ăn phong phú.
- C. thị trường tiêu thụ lớn, lao động có kinh nghiệm.
- D. nguồn thức ăn phong phú, thị trường tiêu thụ lớn.

**PHẦN II.** Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1.** Cho biểu đồ sau:



a) Năm 2023 so với năm 2020, tỉ trọng sản lượng thủy sản nuôi trồng trong tổng sản lượng thủy sản của nước ta tăng lên.

b) Năm 2021 so với năm 2020, sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng, sản lượng thủy sản khai thác giảm.

c) Trong giai đoạn 2020-2023, ở nước ta sản lượng thủy sản nuôi trồng luôn cao hơn sản lượng thủy sản khai thác.

d) Năm 2023 so với năm 2020, sản lượng thủy sản khai thác của nước ta tăng.

**Câu 2.** Cho thông tin sau:

Năm 2024, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên ở nước ta là 52,9 triệu người (chiếm 52,2% dân số). Người lao động nước ta cần cù, chịu khó, giàu kinh nghiệm sản xuất. Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo có bằng, chứng chỉ đạt 28,4% (cao hơn mức 27,2% của năm 2023). Hầu hết lao động nước ta có việc làm, tỉ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm khá thấp nhưng việc làm vẫn là vấn đề kinh tế - xã hội lớn ở nước ta hiện nay.

a) Lao động nước ta có quy mô lớn.

- b) Phương hướng chủ yếu để giải quyết tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm ở nước ta hiện nay là tập trung đẩy mạnh cơ giới hóa, phát triển các cơ sở giáo dục phổ thông, phân bổ lại lao động và tăng cường xuất khẩu lao động.
- c) Chất lượng nguồn lao động ngày càng được nâng lên nhờ những thành tựu trong phát triển y tế, văn hoá, giáo dục đào tạo và kinh tế.
- d) Phần lớn lao động nước ta đã qua đào tạo, có bằng cấp, chứng chỉ.

**Câu 3.** Cho thông tin sau:

*Diện tích gieo trồng lúa cả năm 2024 đạt 7,13 triệu ha, chiếm khoảng 89,1% diện tích cây lương thực có hạt ở nước ta. Sản lượng lúa cả năm 2024 ước đạt 43,45 triệu tấn (giảm 450 nghìn tấn) chiếm 90,8% sản lượng cây lương thực có hạt. Mặc dù vậy, năng suất lúa năm 2024 vẫn tăng so với năm 2021. Cây lúa phân bố rộng khắp nhưng tập trung nhiều nhất ở các đồng bằng châu thổ. Sản xuất lúa nước ta đang phát triển theo hướng hàng hóa, hữu cơ và thích ứng với biến đổi khí hậu.*

- a) Biện pháp chủ yếu để phát triển sản xuất lúa theo hướng hàng hóa ở nước ta hiện nay là mở rộng diện tích trồng, sử dụng các giống mới, áp dụng kỹ thuật canh tác tiên tiến và đẩy mạnh chế biến.
- b) Lúa là cây trồng chính trong ngành sản xuất lương thực ở nước ta.
- c) Năng suất gieo trồng lúa cả năm ở nước ta tăng chủ yếu do khai hoang, tăng vụ.
- d) Các đồng bằng châu thổ ở nước ta trồng nhiều lúa chủ yếu do có diện tích rộng, dân đông, nhiều lao động kỹ thuật, hạ tầng tốt.

**Câu 4.** Cho thông tin sau:

*Miền có địa hình cao nhất cả nước với nhiều đỉnh núi cao trên 2000m như: Phan-xi-păng (3147m), Phu Luông (2985m)... Địa hình núi cao và núi trung bình chiếm ưu thế. Các dãy núi xen kẽ các thung lũng theo hướng tây bắc – đông nam, có nhiều bề mặt cao nguyên, lòng chảo... với dải đồng bằng nhỏ và bị chia cắt. Ven biển có nhiều cồn cát, đầm phá... Khí hậu của miền đặc trưng là sự giảm sút ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc làm nhiệt độ trung bình năm tăng dần và biên độ nhiệt giảm từ Bắc vào Nam.*

- a) Khí hậu của miền có sự phân hóa đa dạng theo không gian và thời gian.
- b) Đây là miền duy nhất ở nước ta có đủ ba đai cao.
- c) Tính chất nhiệt đới ở miền tăng dần về phía nam chủ yếu do sự suy yếu của gió mùa Đông Bắc và hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới.
- d) Nội dung trên thể hiện đặc điểm tự nhiên của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ.

**PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.**

**Câu 1.** Năm 2023, nước ta có sản lượng lương thực có hạt là 47 935,7 nghìn tấn và dân số trung bình là 100 309,2 nghìn người. Hãy cho biết năm 2023, sản lượng lương thực có hạt bình quân đầu người của nước ta là bao nhiêu kg/người? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

**Câu 2.** Cho bảng số liệu:

**Số giờ nắng các tháng năm 2024 tại trạm quan trắc Hà Nội (Láng)**

(Đơn vị: giờ)

| Tháng         | 1    | 2    | 3    | 4     | 5     | 6     | 7     | 8     | 9     | 10    | 11    | 12   |
|---------------|------|------|------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|------|
| Hà Nội (Láng) | 33,2 | 45,2 | 56,3 | 101,9 | 100,9 | 127,9 | 137,0 | 144,6 | 118,4 | 183,4 | 146,3 | 82,1 |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2024, Nxb Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tổng số giờ nắng các tháng năm 2024 tại trạm quan trắc Hà Nội (Láng) là bao nhiêu giờ? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

**Câu 3.** Năm 2024, nước ta có diện tích là 331,3 nghìn km<sup>2</sup> và dân số trung bình là 101,3 triệu người. Hãy cho biết mật độ dân số của nước ta năm 2024 là bao nhiêu người/km<sup>2</sup>? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

**Câu 4.** Cho bảng số liệu:

**Nhiệt độ không khí trung bình các tháng năm 2024 tại trạm quan trắc Sơn La**

(Đơn vị: °C)

| Tháng    | 1    | 2    | 3    | 4    | 5    | 6    | 7    | 8    | 9    | 10   | 11   | 12   |
|----------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| Nhiệt độ | 16,6 | 19,5 | 22,1 | 28,1 | 25,1 | 26,1 | 25,9 | 25,3 | 24,8 | 22,4 | 18,6 | 16,1 |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2024, Nxb Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết biên độ nhiệt độ không khí trung bình của năm 2024 tại trạm quan trắc Sơn La là bao nhiêu  $^{\circ}\text{C}$ ? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 5. Cho bảng số liệu:

Lượng mưa các tháng năm 2024 tại trạm quan trắc Huế và trạm quan trắc Lai Châu

(Đơn vị: mm)

| Tháng    | 1     | 2    | 3    | 4    | 5     | 6     | 7     | 8     | 9     | 10    | 11    | 12    |
|----------|-------|------|------|------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| Lai Châu | 185,2 | 44,5 | 69,1 | 27,7 | 383,9 | 541,8 | 395,4 | 362,6 | 164,7 | 148,1 | 4,4   | 21,9  |
| Huế      | 91,3  | 11,3 | 38,6 | 6,6  | 237,1 | 91,1  | 197,8 | 93,5  | 527,5 | 960,5 | 787,6 | 644,0 |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2024, Nxb Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2024, lượng mưa của tháng có lượng mưa lớn nhất tại trạm quan trắc Huế cao hơn lượng mưa của tháng có lượng mưa lớn nhất tại trạm quan trắc Lai Châu là bao nhiêu mm? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 6. Cho bảng số liệu:

Diện tích gieo trồng và sản lượng ngô của nước ta năm 2020 và năm 2023

| Tiêu chí |                      |                       |
|----------|----------------------|-----------------------|
|          | Diện tích (nghìn ha) | Sản lượng (nghìn tấn) |
| Năm      |                      |                       |
| 2020     | 942,5                | 4 558,2               |
| 2023     | 884,6                | 4 437,2               |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2024, Nxb Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năng suất gieo trồng ngô của nước ta năm 2023 so với năm 2020 tăng thêm bao nhiêu tạ/ha? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

---- HẾT ----

## ĐÁP ÁN

### PHẦN I: CÂU TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

|      |      |      |      |      |      |      |      |     |      |
|------|------|------|------|------|------|------|------|-----|------|
| 1.A  | 2.D  | 3.B  | 4.B  | 5.B  | 6.C  | 7.A  | 8.D  | 9.B | 10.C |
| 11.A | 12.C | 13.A | 14.C | 15.D | 16.D | 17.B | 18.D |     |      |

### PHẦN II: CÂU TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

|        |      |      |      |      |
|--------|------|------|------|------|
| Câu    | 1    | 2    | 4    | 5    |
| Đáp án | ĐSDS | ĐSDS | SDSS | ĐDSS |

### PHẦN III: CÂU TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN

|        |     |      |     |    |     |     |
|--------|-----|------|-----|----|-----|-----|
| Câu    | 1   | 2    | 3   | 4  | 5   | 6   |
| Đáp án | 478 | 1277 | 306 | 12 | 419 | 1,8 |

